

Số: Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch hành động vì bình đẳng giới của ngành giáo dục giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Công văn số 1191/BGDĐT-TCCB ngày 07 tháng 04 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai công tác bình đẳng giới năm 2020. Theo đó chỉ đạo báo cáo, đánh giá, tổng kết công tác bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 4996/QĐ-BGDĐT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hành động vì bình đẳng giới của ngành giáo dục giai đoạn 2016-2020 như sau:

I. Đặc điểm tình hình địa phương

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bao gồm 05 huyện, 02 thành phố, 01 Thị xã với diện tích tự nhiên 1.982km². Mật độ Dân số trung bình năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 1.148.313 người, bao gồm dân số thành thị 670.769 người, chiếm 58,41%; dân số nông thôn 477.544 người, chiếm 41,59%; dân số nam 576.228 người, chiếm 50,18%; dân số nữ 572.085 người, chiếm 49,82%. Lao động trong độ tuổi (nữ từ 15 tuổi đến 54 tuổi; nam từ 15 tuổi đến 59 tuổi) năm 2019 là 723.432 chiếm 62,99% dân số. Lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân 603.655 người, chiếm 52,57% dân số trên địa bàn, chiếm 83,44% so với lao động trong độ tuổi lao động, trong đó lao động nữ chiếm 46% lực lượng lao động trong nền kinh tế quốc dân. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có nhiều tiềm năng và lợi thế quan trọng về vị trí, đất đai, hạ tầng kỹ thuật để phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển các ngành kinh tế biển như: công nghiệp dầu khí, sản xuất điện, đạm, cảng biển, du lịch, khai thác và chế biến hải sản..., chính vì vậy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có mật độ di dân tự do từ nơi khác chuyển đến làm ăn rất lớn (khoảng trên 27.000 người/năm). Đây là thực trạng gây không ít khó khăn cho công tác quản lý cũng như triển khai thực hiện các chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước về bình đẳng giới.

Ngành giáo dục và đào tạo được sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bên cạnh đó, ngành giáo dục và đào tạo cũng được sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành và sự nỗ lực của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trong những năm qua ổn định và không ngừng phát triển. Quy mô giáo dục được mở rộng; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư khang trang, hiện đại; đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng và từng bước được nâng cao về chất lượng. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT, trúng tuyển vào các đại học, cao đẳng cao. Cấp mầm non đã duy

trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi năm 2003, chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2004. Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia được đẩy mạnh trên cơ sở vừa tăng cường chất lượng giáo dục vừa đầu tư cơ sở vật chất theo các tiêu chí quy định một cách vững chắc. Chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh không ngừng nâng cao. Việc thực hiện các mục tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới đến nay trong lĩnh vực giáo dục tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được giữ vững.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch hành động vì bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020

1. Mục tiêu 1: Tăng tỉ lệ nữ tham gia các vị trí quản lí, lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục, các cơ quan quản lí nhà nước về giáo dục và nghiên cứu khoa học

a. *Chỉ tiêu 1:* 90% phòng giáo dục và đào tạo và 95% sở giáo dục và đào tạo có nữ tham gia Ban Lãnh đạo.

Kết quả: Phòng GDĐT có: 6/8: đạt 75%: chưa đạt chỉ tiêu; Sở giáo dục và đào tạo: có 1/1: đạt 100%: Đạt, vượt chỉ tiêu

b. *Chỉ tiêu 2:* 95% cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên có nữ tham gia Ban Giám hiệu/Ban Giám đốc.

Kết quả: Có 8/453: đạt 98%: Đạt, vượt chỉ tiêu

c. *Chỉ tiêu 3:* 90% cơ sở giáo dục đại học có nữ tham gia Hội đồng trường /Ban Giám hiệu/Ban Giám đốc.

Kết quả: Có 1/1: đạt 100%: Đạt, vượt chỉ tiêu

d. *Chỉ tiêu 4:* 40% nữ tiến sĩ trên tổng số tiến sĩ đang công tác trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Kết quả: Có 2/4: 50 % : Đạt chỉ tiêu (trừ trường CĐSP tỉnh)

2. Mục tiêu 2: Thu hẹp khoảng cách giữa trẻ em trai và gái trong tiếp cận giáo dục, tăng tỉ lệ biết chữ của trẻ em gái và phụ nữ dân tộc thiểu số ở những vùng khó khăn.

a. *Chỉ tiêu 1:* Giảm tỉ lệ trẻ em trong độ tuổi phổ cập giáo dục không đến trường.

- Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi: Kiểm tra 100% huyện, thị xã, thành phố về PCGDMNTNT năm 2019, theo quy định tại điều 27,28,29,30 Nghị định 20/NĐ-CP, các tiêu chí đều duy trì và nâng cao, hồ sơ đầy đủ theo quy định. UBND tỉnh đã có quyết định công nhận 8/8 huyện, thành phố, thị xã đạt chuẩn PCGDMNTNT năm 2019, hoàn thiện hồ sơ gửi UBND tỉnh báo cáo Bộ GDĐT công nhận tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đạt chuẩn PCGDMNTNT năm 2019 theo công văn 2552/SGDĐT-GDMNTH ngày

25/12/2019. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Phổ cập giáo dục THCS:

+ Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, chuẩn XMC mức độ 1.

+ Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS, mức độ, tỉ lệ: Toàn tỉnh có 06/08 huyện đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 2, tỉ lệ 75%; 02/08 huyện đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 3, tỉ lệ 25% (mỗi đơn vị chỉ tính một mức độ đạt được cao nhất). Tỉ lệ học sinh KT có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục là 96.2%.

+ Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS, mức độ, tỉ lệ: Mức độ 1: 0/83 xã, tỉ lệ 0.0%; Mức độ 2: 38/82 xã, tỉ lệ 46.34%; Mức độ 3: 44/82 xã, tỉ lệ 53.65% (riêng huyện Côn Đảo không có đơn vị hành chính cấp xã).

+ Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS (2 hệ): 59559/62881 (tổng số học sinh phải phổ cập), đạt tỉ lệ 95%.

+ Số thanh thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tuổi đã và đang học chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp: 56424/62881, đạt tỉ lệ 90%.

+ Tổng số thanh-thiếu niên khuyết tật trong độ tuổi: 695 em, trong đó, thanh-thiếu niên khuyết tật có khả năng học tập: 469 em, thanh-thiếu niên khuyết tật được tiếp cận giáo dục là: 451/469, đạt tỉ lệ 96,2%.

+ Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.

Chỉ tiêu 2: Tỉ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15-60 đạt 98%, độ tuổi 15-35 là 99%.

Kết quả: Tỉ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15-60: 90,12%: Chưa đạt chỉ tiêu; Tỉ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi 15-35: 95%: Chưa đạt chỉ tiêu.(theo phần mềm quản lý phổ cập của Bộ GDĐT)

Chỉ tiêu 4: Tăng tỷ lệ nam giới tham gia học tập và làm việc trong ngành học mầm non, tiểu học; tăng tỷ lệ nhà giáo nữ ở các cơ sở giáo dục trung học phổ thông.

Kết quả: Tỷ lệ nam giới tham gia học tập và làm việc trong ngành học mầm non, hàng năm cơ bản không tăng, hiện chỉ có 1 giáo viên nam tham gia giảng dạy tại trường mầm non; đối; đối với tiểu học, tỷ lệ nam giới tham gia làm việc trong ngành, chiếm tỷ lệ khoảng: 15%.

3. Mục tiêu 3: Đảm bảo các vấn đề về giới, bình đẳng giới được lồng ghép trong chương trình tổng thể, chương trình môn học, sách giáo khoa, giáo dục phổ thông mới.

a. *Chỉ tiêu 1:* Rà soát trên quan điểm về giới chương trình sách giáo khoa trung học cơ sở và trung học phổ thông. Thực hiện theo chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở đã các trường tiến

hành rà soát qua các lớp tập huấn về bình đẳng giới, tập huấn về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

b. Chỉ tiêu 2: Không còn nội dung, hình ảnh dẫn đến cách hiểu có định kiến giới trong chương trình sách giáo khoa phổ thông mới sau năm 2018 (thông qua nội dung, hình ảnh minh họa, ngôn ngữ thể hiện). Đã thực hiện theo chỉ đạo của Bộ GDĐT về giảm tải chương trình các cấp học và đang triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới, bắt đầu từ năm học 2020-2021 cho học sinh lớp 1.

4. Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng công tác truyền thông về bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới trong các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở đào tạo, cha mẹ học sinh và cộng đồng

a. Chỉ tiêu 1: đạt ít nhất 05 tài liệu truyền thông về các vấn đề giới, bình đẳng giới và liên quan đến giới được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và phổ biến rộng rãi.

b. Chỉ tiêu 3: đạt ít nhất 02 triệu lượt phụ huynh học sinh, 06 triệu lượt học sinh từ bậc học tiểu học đến trung học phổ thông và khoảng 02 nghìn cán bộ các cấp ở địa phương được tiếp cận các vấn đề giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới thông qua các tài liệu và sự kiện truyền thông.

c. Chỉ tiêu 4: Có hơn nhất 600 lượt cán bộ, giáo viên và học sinh được tập huấn trở thành đội ngũ truyền thông nguồn về giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới của ngành Giáo dục.

5. Mục tiêu 5: Phòng chống bạo lực học đường, bạo lực học đường trên cơ sở giới, thúc đẩy môi trường học tập an toàn và thân thiện

a. Chỉ tiêu 2: hằng năm Sở GDĐT đều cử cán bộ, công chức, giáo viên và cán bộ tư vấn học đường trong các nhà trường tham gia ít nhất 01 lớp tập huấn về bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới do Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức.

b. Chỉ tiêu 3: Đạt 100% cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ tư vấn của các trường học được nâng cao năng lực thông qua việc tiếp cận các kiến thức liên quan đến giới, bình đẳng giới, lồng ghép giới và quản lý bạo lực học đường.

6. Mục tiêu 6: Tăng cường công tác thống kê có trách nhiệm giới, lồng ghép giới vào hoạch định chính sách, lập kế hoạch và quản lý ngành Giáo dục

a. Chỉ tiêu 1: Đạt 100% CBNV phụ trách công tác thống kê, báo cáo, pháp chế và thành viên các ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, các cán bộ lập kế hoạch và quản lý của ngành Giáo dục được phổ biến về vấn đề giới, bình đẳng giới, các vấn đề liên quan giới.

b. Chỉ tiêu 3: 100% các văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo do ngành Giáo dục tham mưu hoặc trực tiếp ban hành được rà soát dưới góc độ giới.

III. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện mục tiêu: không

IV. Đề xuất những vấn đề giới cần ưu tiên giải quyết nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo giai đoạn 2021 – 2030

- Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ của ngành, của các trường làm công tác kiêm nhiệm nên một số nội dung về công tác bình đẳng giới tham mưu cho lãnh đạo chưa kịp thời. Hiệu quả hoạt động chưa tương xứng với yêu cầu đối với công tác giới và bình đẳng giới trong thời kỳ mới.

- Một số đơn vị còn nhầm lẫn giữa nhiệm vụ của Ban với hoạt động của Hội phụ nữ, cho rằng hoạt động của Ban là hoạt động của Công đoàn, nên việc đầu tư con người và thời gian cho công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ tại một số trường chưa được quan tâm đúng mức. Hơn thế nữa, kinh phí dành cho hoạt động bình đẳng giới còn thấp chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động của ban cơ sở.

- Cần có chế độ hỗ trợ hoặc phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ, viên chức được cử làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong các cơ sở giáo dục để các đồng chí được giao nhiệm vụ này chăm lo nhiều hơn nữa cho công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ chung của ngành.

- Tổ chức học tập kinh nghiệm cho cán bộ nữ về các mô hình triển khai tốt công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- Website Sở;
- Lưu: VT, AnhBtv.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thị Ngọc Châu